

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế và Dự toán chi phí thiết kế  
Đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông  
nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành,  
huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 29/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đề án thành lập Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 40/TTr-SXD ngày 23/02/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế và Dự toán chi phí thiết kế Đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công

nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định với nội dung cụ thể như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

**2. Phạm vi ranh giới và quy mô quy hoạch:** Thuộc xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ; giới cận cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp: Nhà máy xi titan Sài Gòn – Quy Nhơn và đường quy hoạch lộ giới rộng 30m;

- Phía Đông giáp: Biển Đông;

- Phía Nam giáp: Khu dịch vụ hậu cần nghề cá;

- Phía Tây giáp: Đường quy hoạch lộ giới 45m.

*Tổng quy mô diện tích lập quy hoạch phân khu khoảng 406ha.*

**3. Tính chất, mục tiêu quy hoạch:**

- Là khu công nghệ cao phát triển ngành tôm được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp với địa hình ven biển huyện Phù Mỹ.

- Là khu sản xuất tôm giống, nghiên cứu quy trình nuôi, sản xuất tôm thương phẩm, chế biến thức ăn, chế biến tôm và các ngành công nghiệp phụ trợ, sản xuất chế phẩm sinh học, bảo quản chế biến, đào tạo, tiếp nhận, chuyển giao tiên bộ khoa học kỹ thuật phục vụ ngành tôm của tỉnh, miền Trung và cả nước.

- Làm cơ sở pháp lý để lập quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

**4. Yêu cầu quy hoạch:** Thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù. Cụ thể:

a) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng đất xây dựng tại khu vực, các giá trị cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật, phân tích các điều kiện tự nhiên tại khu vực.

Rà soát các dự án liên quan lân cận tại khu vực; đánh giá khả năng kết nối đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội có liên quan; xác định các vấn đề, nội dung cần giải quyết tại khu vực lập quy hoạch.

b) Xác định quy mô dân số, tính chất, chức năng và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch.

c) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, xác định chức năng, xác định chỉ tiêu sử dụng đất của các khu chức năng trong khu vực quy hoạch. Bao gồm các khu chức năng chính:

- Khu trung tâm: Khu quản lý, điều hành và trung tâm dịch vụ; Khu nhà công vụ, triển lãm, xét nghiệm; Khu nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật, trình diễn và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Khu nhà ở công nhân và công viên phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục – thể thao cho công nhân.

- Khu sản xuất, chế biến, bao gồm: Các khu vực nuôi tôm siêu thâm canh; tôm giống; nhà máy chế biến thức ăn, chế biến tôm.

- Khu xử lý nước, chất thải: Gồm khu xử lý rác thải, chất thải rắn; khu xử lý cấp nước đầu vào; khu xử lý nước thải và bùn từ các ao nuôi tôm.

- Các khu vực còn lại như đất giao thông, thủy lợi; hồ nước ngọt và cây xanh cách ly tạo vùng đệm xung quanh khu...

d) Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Xác định lõi tiếp cận dự án, tránh xung đột về giao thông đối với đường ven biển quốc gia.

- Xác định cụ thể cao độ nền của từng khu chức năng trong khu vực quy hoạch. Bám sát địa hình tự nhiên, hạn chế tối đa khối lượng đào đắp.

- Xác định cụ thể mạng lưới thoát nước mặt của khu vực lập quy hoạch, giải pháp thoát nước mặt đi riêng với hệ thống thoát nước thải; phân khu vực thoát nước và các điểm xả thoát nước mặt phù hợp với điều kiện tự nhiên tại khu vực.

- Xác định cụ thể mạng lưới, cao độ giao thông nội bộ trong khu vực quy hoạch và không làm ảnh hưởng đến tuyến giao thông hiện trạng trong khu vực. Xác định mặt cắt các tuyến giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, vị trí và quy mô bãi đỗ xe.

- Xác định nhu cầu sử dụng nước và nguồn cấp nước cấp nước sinh hoạt, phòng cháy chữa cháy trong khu vực lập quy hoạch; xác định vị trí trạm bơm, bể chứa, giải pháp thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước, điểm đầu nối, kích thước đường ống.

- Xác định nhu cầu sử dụng điện và nguồn cấp điện; vị trí đầu nối; giải pháp thiết kế mạng lưới cấp điện yêu cầu đi ngầm để cung cấp cho các công trình và phục vụ chiếu sáng cho khu vực quy hoạch.

- Xác định cụ thể các công trình thu gom rác thải, vị trí, quy mô điểm trung chuyển rác thải; tổng lượng nước thải cần xử lý; quy hoạch mạng lưới thoát nước thải, vị trí trạm xử lý nước thải, điểm xả thải ra môi trường.

e) Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

## 5. Quy mô quy hoạch xây dựng:

- Đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000, quy mô quy hoạch khoảng 406ha.
- Bản đồ địa hình phục vụ công tác lập quy hoạch theo tọa độ VN2000, múi chiếu 3<sup>0</sup>, cao độ Hòn Dấu – Hải Phòng, quy mô 406ha.

## **6. Thành phần hồ sơ bản vẽ quy hoạch:**

### **a) Bản vẽ:**

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/10.000.
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/2.000.
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/2.000.
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/2.000.
- Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/2.000.
- Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/2.000.
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/2.000.
- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/2.000.
- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược, tỷ lệ 1/2.000.

Hồ sơ bao gồm các bản vẽ đen trắng đúng tỷ lệ, bản vẽ màu thu nhỏ, đĩa CD lưu toàn bộ hồ sơ quy hoạch.

**b) Các báo cáo, thuyết minh kèm theo gồm:** Thuyết minh tổng hợp, tóm tắt đính kèm bản vẽ màu thu nhỏ; Dự thảo Tờ trình; Quyết định phê duyệt quy hoạch. Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

**7. Dự toán chi phí lập quy hoạch:** 1.646.682.000 đồng (*Một tỷ, sáu trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

*Trong đó:*

7.1. Chi phí lập Nhiệm vụ Quy hoạch	67.204.000	đồng;
7.2. Chi phí Thiết kế quy hoạch	954.076.000	đồng;
7.3. Chi phí khảo sát địa hình (tạm tính)	376.000.000	đồng;
7.4. Chi phí khác:		
- Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	13.441.000	đồng;
- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch	68.502.000	đồng;
- Chi phí quản lý nghiệp vụ lập đồ án	64.650.000	đồng;

- Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng	17.347.000	đồng;
- Chi phí công bố quy hoạch	28.622.000	đồng;
- Cấm mốc giới ra thực địa	38.840.000	đồng.
- Chi phí lựa chọn nhà thầu tư vấn lập QH	18.000.000	đồng

**8. Nguồn vốn:** Vốn ngân sách tỉnh.

**9. Tiến độ thực hiện:** Hoàn thành đề án quy hoạch không quá 04 tháng kể từ ngày Nhiệm vụ quy hoạch được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

**Điều 2.**

- Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo đơn vị liên quan lựa chọn tư vấn triển khai thực hiện nhiệm vụ Quy hoạch theo quy định đảm bảo chất lượng và tiến độ, tiếp thu kiến nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình nêu trên.

- Giao Sở Tài chính đề xuất nguồn kinh phí trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (17b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**